

PHỤ LỤC - ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
MẪU ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

Trường Đại học Giao thông vận tải TP Hồ Chí Minh

Khoa: Công nghệ thông tin

Bộ môn: Tin học đại cương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tổng quát về học phần

| Tên Học phần | | LUẬT CÔNG NGHỆ THÔNG TIN | | | | | | | | |
|--------------------------|---|----------------------------------|------------|-----------|--|----------------------------|--|-----|--|---------------|
| Mã số HP: 124005 | | | | | | | | | | |
| Số tín chỉ | 2 Tc (2) | | | | | | | | | |
| Số tiết - Tổng | 30 | LT | | BT/ TL | | TN/ TH | | BTL | | TKMH/ DAMH |
| | | <i>Thực tập bên ngoài: buổi.</i> | | | | | | | | |
| Đánh giá (Thang điểm 10) | Quá trình: | | 20% | | | Kiểm tra, bài tập trên lớp | | | | |
| | Đồ án môn học: | | 30% | | | Báo cáo đồ án theo nhóm | | | | |
| | Thi cuối kỳ: | | 50% | | | Thi viết | | | | |
| Môn tiên quyết | - | | | | | | | | | MS: |
| Môn học trước | - Pháp luật đại cương | | | | | | | | | MS: |
| Môn song hành | - | | | | | | | | | MS: |
| CTĐT ngành | <i>Ngành– Chuyên ngành</i> | | | | | | | | | |
| Trình độ | <i>Đại học</i> | | | | | | | | | |
| Khối kiến thức | <i>Thuộc khối KT: Cơ bản/Chuyên ngành/.....</i> | | | | | | | | | |
| Ghi chú khác | Sinh viên không được vắng quá 20% số tiết học | | | | | | | | | |

Ghi chú: - Những chữ viết tắt: LT; lý thuyết, BT: bài tập, TL: thảo luận, TN: thí nghiệm, TH thực hành, BTL: bài tập lớn, TKMH: thiết kế môn học, DAMH: Đồ án môn học;

- Bài tập lớn: mỗi tín chỉ có không quá 1 BTL, mỗi học phần có không quá 3 BTL

- TKMH, DAMH: là các đồ án hoặc thiết kế môn học có mã học phần riêng;

- Giờ lý thuyết: 1 TC = 15 tiết; giờ BT, TL, TN, TH: 1TC = 19 tiết.

2. **Mục tiêu của học phần:** nêu mục tiêu cần đạt được đối với người học sau khi học học phần đó (về mặt kiến thức và kỹ năng). Cách thức xây dựng như chuẩn đầu ra
3. **Mô tả tóm tắt học phần:** trình bày ngắn gọn vai trò, vị trí học phần/môn học, kiến thức sẽ trang bị cho sinh viên, quan hệ với các học phần/môn học khác trong chương trình đào tạo.
4. **Nội dung học phần:** trình bày các chương, mục trong chương và nội dung khái quát. Trong từng chương ghi số tiết giảng lý thuyết, bài tập, thực hành (hoặc thí nghiệm, thảo luận). Để sinh viên có thể tự học được, cần chỉ rõ để học chương này cần phải đọc những tài liệu tham khảo nào, ở đâu

4.1 Nội dung khái quát

| TT | Tên mục/ tiêu mục | Lý thuyết (Số tiết) | BT/TL (Số tiết) | TN/TH (Số tiết) | BTL/DA (Số tiết) | Tổng số tiết/ TC |
|----|--|------------------------|--------------------|--------------------|---------------------|---------------------|
| 1 | Chương 1. Pháp luật công nghệ thông tin | 10 | | | | 10 |
| 2 | Chương 2. Pháp luật về giao dịch điện tử | 7 | | | | 7 |
| 3 | Chương 3. Pháp luật về hạ tầng viễn thông, internet | 6 | | | | 6 |
| 4 | Chương 4. Pháp luật về sở hữu trí tuệ | 7 | | | | 7 |
| | Cộng: | 30 | | | | 30 |

(TH: thực hành; BT: bài tập; TL: thảo luận; TKMH: thiết kế môn học; BTL: bài tập lớn; DA: đồ án môn học)

4.2 Nội dung chi tiết và phương pháp giảng dạy, đánh giá

| Kiến thức (Biết cái gì) | Kỹ năng (Làm được gì?) | PP giảng dạy | PP đánh giá |
|--|------------------------|--------------|-------------|
| Chương 1: Pháp luật về CNTT 1.1 Luật CNTT 1.2 Nghị định 71/2007/NĐ-CP ngày 3/5/2007 Quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Công nghệ thông tin về công nghiệp công nghệ thông tin. 1.3 Nghị định 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước. | | | |

| | | | |
|---|--|--|--|
| <p>1.4 Quyết định số 19/2008/QĐ-BTTTT 9/4/2008 Ban hành 'Quy định áp dụng tiêu chuẩn về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước'.</p> <p>1.5 Quyết định số 20/2008/QĐ-BTTTT 9/4/2008 Ban hành Danh mục tiêu chuẩn về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước</p> <p>1.6 Nghị định 63/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực công nghệ thông tin</p> | | | |
| <p>Chương 2: Pháp luật về giao dịch điện tử</p> <p>2.1 Luật Giao dịch điện tử</p> <p>2.2 Nghị định số 26/2007/NĐ-CP về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số</p> <p>2.3 Nghị định số 27/2007/NĐ-CP về Giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính</p> <p>2.4 Thông tư số 78/2008/TT-BTC ngày 15/9/2008 hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23 tháng 2 năm 2007 về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính</p> | | | |
| <p>Chương 3 Pháp luật về hạ tầng viễn thông, internet</p> <p>3.1 Pháp lệnh Bru chính, Viễn thông</p> <p>3.2 Nghị định số 160/2004/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Bru chính, Viễn thông về Viễn thông.</p> <p>3.3 Nghị định số 97/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 08 năm 2008 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet đối với dịch vụ Internet .</p> <p>3.4 Thông tư 05/2008/TT-BTTTT ngày 12/11/2008 Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 97/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 08 năm 2008 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet đối với dịch</p> | | | |

| | | | |
|--|--|--|--|
| <p>vụ Internet</p> <p>3.5 Thông tư 07/2008/TT-BTTTT ngày 18/12/2008 hướng dẫn một số nội dung về hoạt động cung cấp thông tin trên trang thông tin điện tử cá nhân trong Nghị định số 97/2008/NĐ-CP ngày 28/08/2008 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin điện tử trên internet</p> <p>3.6 Thông tư 60/2006/TTLT-BVHTT-BBCVT-BCA 1/6/2006 Quản lý trò chơi trực tuyến (Online Games)</p> <p>3.7 Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13/8/2008 về chống thư rác</p> | | | |
| <p>Chương 4 Pháp luật về sở hữu trí tuệ</p> <p>4.1 Luật sở hữu trí tuệ</p> <p>4.2 Nghị định của Chính phủ số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ</p> | | | |

4.3 Phân bổ thời gian chi tiết

| Nội dung | Phân bổ số tiết cho hình thức dạy - học | | | | | Tổng |
|----------|---|---------|-----------|-----------------------|---------------|------|
| | Lên lớp | | | Thực hành, thí nghiệm | Tự nghiên cứu | |
| | Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |

5. Tài liệu học tập

[1]. Giáo trình

6. Các hiểu biết, các kỹ năng cần đạt được sau khi học môn học

7. Hướng dẫn cách đánh giá học phần

- Quá trình: 20% Bao gồm điểm chuyên cần, đánh giá tháng, bài tập, thực hành thường kỳ
- Bài tập lớn, Đồ án: 30% chia lớp thành nhiều nhóm mỗi nhóm thực hiện 1 đồ án cuối đợt đánh giá kết quả theo nhóm (các thành viên báo cáo và bảo vệ từng phần của đồ án),
- Thi kết thúc học phần: 50%, Thi vấn đáp/tự luận/trắc nghiệm.
(Các trọng số của từng học phần các bộ môn tự đề xuất nhưng phần thi kết thúc tối thiểu là 50% ; Các học phần thực hành, đồ án, TKMH thì tùy theo yêu cầu các bộ môn đưa ra hình thức đánh giá cho phù hợp)

8. Danh sách giảng viên dự kiến

- GV giảng dạy lý thuyết:
+
- Giảng viên trợ giảng:
+
- GV dạy thực hành, thí nghiệm
+

Tp. Hồ Chí Minh ngày ...tháng ... năm 2014

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN LẬP ĐỀ CƯƠNG

PGS. TS. Nguyễn Hữu Khương

TS. Tô Bá Lâm

Ths. Phan Chánh Minh

